TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **504**/2020/QĐST-HNGĐ	*Đống Đa, ngày 07 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 712/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Hoàng Bá N, sinh năm 1977; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P601 nhà CT6, tổ 65 phường Y, quận C, Thành phố H; Nơi cư trú: Số 12A ngách 74/13 ngõ T, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Chị Trịnh Thị Bích N, sinh năm 1982; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P601 nhà CT6, tổ 65 phường Yê, quận C, Thành phố H; Nơi cư trú: Số 12A ngách 74/13 ngõ T, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Bá N và chị Trịnh Thị Bích N kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 12 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố C, tỉnh N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, đã hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh, chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh N, chị N có 02 con chung là cháu Hoàng Tuấn M, sinh ngày 09/3/2007 và cháu Hoàng Tuấn D, sinh ngày 22/5/2010. Anh, chị thỏa thuận ly hôn chị N là người nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/cháu.

[3] Về tài sản chung: Anh N, chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ: Anh N, chị N xác nhận không nợ ai và cũng không cho ai vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Anh N tự nguyện chịu cả tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Bá N và chị Trịnh Thị Bích N.

- Về con chung: Anh N, chị N có 02 con chung là cháu Hoàng Tuấn M, sinh ngày 09/3/2007 và cháu Hoàng Tuấn D, sinh ngày 22/5/2010. Giao cháu M, cháu D cho chị N nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/cháu. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi cháu M, cháu D đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của pháp luật.

Anh N có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Anh N, chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ: Anh N, chị N xác nhận không nợ ai và cũng không cho ai vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh N tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, đã nộp tại Biên lai số 14735 ngày 28/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa;
- UBND phường P, TP C, tỉnh N;
- Lưu; Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Anh Tuấn